



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Năm 2009 | ViCem HÀ TIÊN 1
TP.HỒ CHÍ MINH



MỤC LỤC

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1	4
1. Lịch sử hình thành và phát triển	5
2. Những thành tích đạt được	7
3. Ngành kinh doanh chính	7
4. Mục tiêu và chiến lược phát triển	7
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2009	11
2. Triển vọng và chiến lược phát triển của Công ty	12
3. Công tác tổ chức của HĐQT năm 2009	14
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	15
1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009	16
2. Các chỉ số tài chính chủ yếu	18
3. Những thay đổi chủ trong năm	19
4. Kế hoạch năm 2010	24
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	29
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	31
1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Hà Tiên 1	32
2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Hà Tiên 1 nắm giữ	32

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	33
1. Cơ cấu tổ chức	34
2. Thông tin về thù lao của Ban điều hành	36
3. Thông tin Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát	37
4. Thông tin về số cổ phần, vốn góp của HĐQT, BGĐ, BKS. KTT	40
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	42
1. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty	43
2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	44
3. Danh sách cổ đông sáng lập	45
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	46

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính thưa quý vị cổ đông,

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước với bề dày 46 năm hình thành và phát triển, ngày 18.01.2007 Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ Phần. Hơn 46 năm qua, Hà Tiên 1 là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam tại miền Nam, Công ty đã cung cấp cho thị trường hơn 38 triệu tấn xi măng các loại với chất lượng cao và ổn định, phục vụ các công trình trọng điểm quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Hiện Hà Tiên 1 chiếm khoảng 7% thị phần của cả nước và trên 30% thị trường Đông Nam Bộ. Vị thế của Công ty đã không ngừng được mở rộng với biểu tượng “**Con Kỳ Lân xanh**” và khẩu hiệu “**Lớn mạnh do bạn và vì bạn**” và nay là thương hiệu “**ViCem - Hà Tiên 1**”

Năm 2009, là năm nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn hồi phục sau cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tuy nhiên nền kinh tế vĩ mô vẫn chưa ổn định và tăng trưởng chưa đủ mạnh để trở lại giai đoạn phát triển. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ của các công ty trong bối cảnh toàn cầu hóa càng trở nên gay gắt và quyết liệt. Để chuẩn bị cho một tương lai phát triển bền vững, cuối năm 2009 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết nghị tiến hành sáp nhập với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2. Việc sáp nhập hai Công ty xi măng Hà Tiên 1 và Hà Tiên 2 hứa hẹn mang lại nhiều giá trị gia tăng cho Công ty sau sáp nhập, đồng thời tăng sức mạnh cạnh tranh cũng như vị thế của Công ty sau sáp nhập trên thị trường.

Trong năm 2010, HĐQT cũng sẽ tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, thực hiện tích hợp sau sáp nhập để phát huy tối đa hiệu quả của các yếu tố cộng hưởng do sáp nhập, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quản lý điều hành sản xuất, phát triển thương hiệu và tăng cường huy động vốn nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, đem lại lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông Công ty.

Chúng tôi luôn cho rằng sự phát triển thương hiệu bền vững và uy tín như ngày hôm nay, đều nhờ vào sự ủng hộ, tin tưởng, hợp tác của các Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác kinh doanh và sự nỗ lực không ngừng của các cán bộ công nhân viên, Ban lãnh đạo, Hội đồng quản trị Công ty trong những năm qua và chúng tôi luôn mong muốn sẽ tiếp tục phát huy tốt hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Thay mặt Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc và kính chúc mọi người luôn thành đạt trong công việc, thành công trong cuộc sống và tiếp tục gắn bó với Hà Tiên 1 trong tương lai.

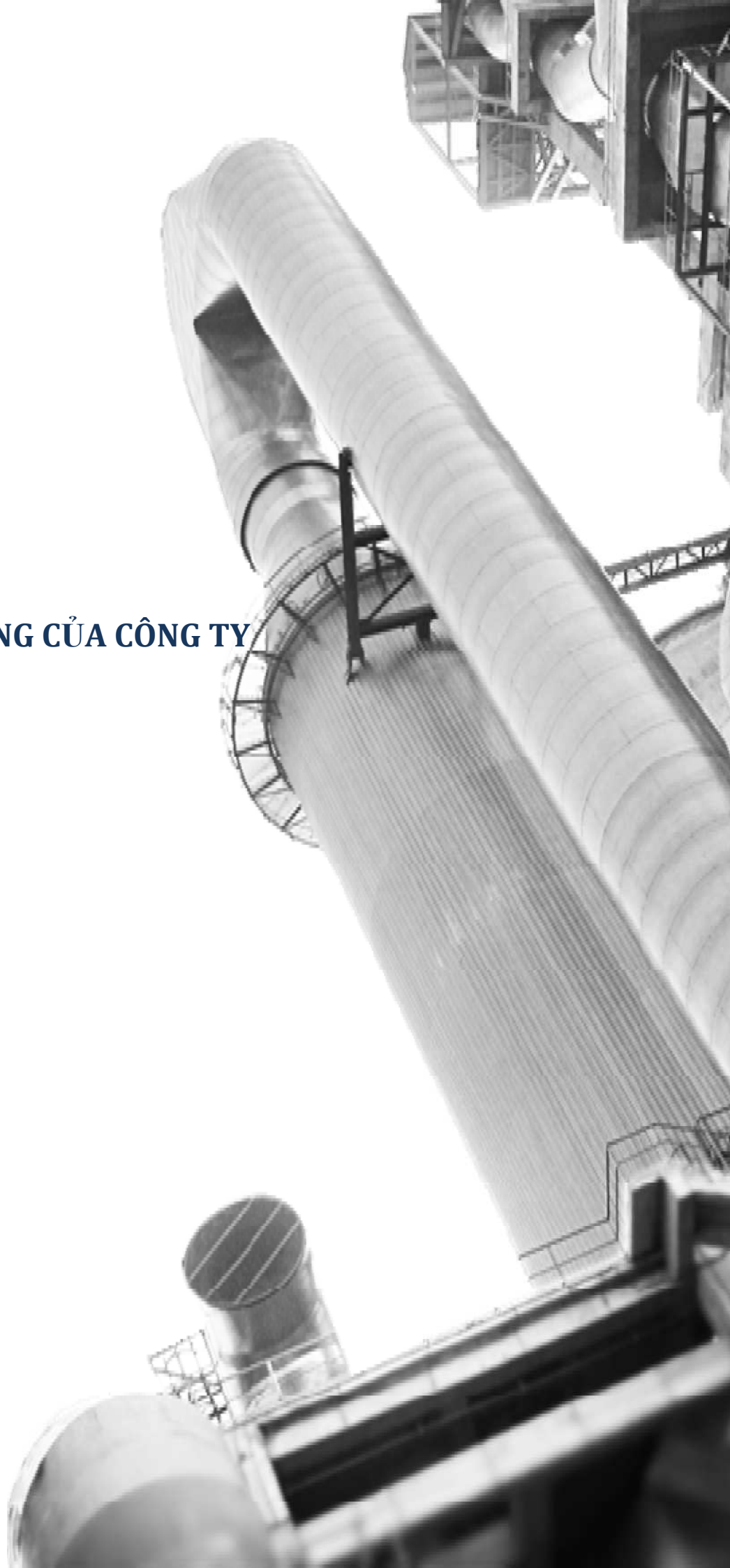
Trân trọng kính chào.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Anh

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



I. Tổng quan về Công ty, mục tiêu và chiến lược phát triển:

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

1960:	Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên
02/12/1974:	Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư Chương trình khuếch trương xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 T clinker/năm, 500 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương và 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức.
1993:	Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên được tách thành nhà máy xi măng Hà Tiên 1, nhà máy xi măng Hà Tiên 2.
1994:	Nhà máy xi măng Hà Tiên 1 đổi tên thành “Công ty xi măng Hà Tiên 1”.
10/1999:	Cải tổ công tác tiêu thụ sản phẩm, thành lập hệ thống các Nhà phân phối chính.
10/2000:	Nhận Giấy Chứng Nhận ISO 9002.
31/12/2003:	Chuyển đổi sang ISO 9001:2000.
01/2001:	Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000T xi măng/năm.
30/12/2003:	Lễ động thổ dự án nhà máy xi măng Bình Phước, tổng công suất 2,2 triệu tấn/năm.
08/2004:	Hoàn thành dây chuyền sản xuất vỏ bao dán theo công nghệ hiện đại.
12/2004:	Phòng thí nghiệm Hà Tiên 1 được công nhận đạt chuẩn quốc gia với số hiệu VILAS 125.
06/02/2007:	Chính thức chuyển thể thành công ty cổ phần, kế tục toàn bộ Công ty Xi măng Hà Tiên 1.
30/3/2007:	Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Q9, Tp.HCM.
31/3/2007:	Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.

13/11/2007:	Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 với mã chứng khoán HT1, doanh nghiệp đầu tiên ngành xi măng phía Nam niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM.
11/2007	Công ty xi măng Hà Tiên 1 chào đón tấn xi măng thứ 33.333.333. Với con số này Hà Tiên 1 được công nhận là Công ty có số lượng xi măng bán ra nhiều nhất trên thị trường phía Nam.
30/10/2008:	Trạm nghiền xi măng Phú Hữu chính thức xuất xưởng tấn xi măng đầu tiên.
24/12/2008:	Ra mắt thương hiệu xi măng ViCem - Hà Tiên 1 đồng bộ với Tổng Công ty Công Nghiệp Xi măng Việt Nam (ViCem), một trong những bước đi nhằm thực hiện chiến lược củng cố thị phần và duy trì vị trí số 1 tại thị trường xi măng ở Việt Nam
13/7/2009:	Phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng
12/11/2009:	Trụ sở chính của Công ty chuyển về hoạt động tại địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, quận 1 – TPHCM - Thành lập các chi nhánh mới : • Trạm nghiền Phú Hữu, địa chỉ: phường Phú Hữu, quận 9 - TPHCM • Trạm nghiền Thủ Đức, địa chỉ: Km8, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức – TPHCM • Nhà máy xi măng Bình Phước, địa chỉ: xã Thanh Lương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước
29/12/2009	ĐHĐCĐ bất thường năm 2009 của Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Công ty.

1.2. Những thành tích đạt được

- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 1997 đến nay.
- Huân chương Lao động hạng III.
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng.
- Năm 2005 đạt danh hiệu “Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản”.
- Đạt chứng nhận ISO 9001:2000 do Quacert và DNV cấp.
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội.
- Năm 2009 đạt thương hiệu chứng khoán uy tín



Sao vàng Đất
Việt



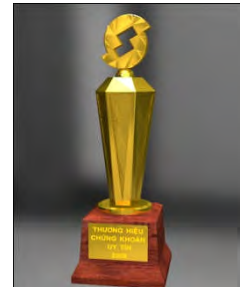
Cúp vàng
Vietbuild



Cúp vàng nhân
hiệu và thương
hiệu



Danh hiệu hàng
Việt Nam chất
lượng cao



Thương hiệu
chứng khoán uy
tín

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất kinh doanh xi măng và các sản phẩm từ xi măng.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, các sản phẩm phục vụ xây dựng và công nghiệp.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu xi măng và nguyên vật liệu, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất xi măng và các loại vật liệu xây dựng khác.
- Xây dựng và kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ bến cảng, dịch vụ kho bãi, dịch vụ vận chuyển, bốc dỡ, đường bộ, đường sắt, đường sông.

1.4. Mục tiêu và chiến lược phát triển

- Triển khai thực hiện chiến lược nhằm trở thành nhà sản xuất và tiêu thụ xi măng hàng đầu trong ngành công nghiệp xi măng tại khu vực phía Nam, xác định hướng phát triển mở rộng

với các thị trường mục tiêu là Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ, xuất khẩu sang thị trường Campuchia và Lào, phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty Công nghiệp Xi Măng Việt Nam.

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư có khả năng sinh lời, phù hợp với định hướng chiến lược của công ty, trong các lĩnh vực :
 - Đa dạng hóa sản phẩm và các ngành nghề kinh doanh.
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh cốt liệu, nguyên liệu, phụ gia.
 - Kinh doanh bất động sản trên quỹ đất hiện có của Công ty tại Vũng Tàu và tại Thủ Đức.
 - Trồng, khai thác rừng và các cây công nghiệp.
 - Dịch vụ bến cảng, kho bãi, vận chuyển thủy bộ.

1.5. Các sản phẩm của Công ty

a. Các chủng loại xi măng Hà Tiên 1

Loại xi măng	Tiêu chuẩn VN	Công dụng
Xi măng Hà Tiên 1 PCB-40	6260:1997	Dùng cho các công trình thông dụng, đúc bê tông, đà kiềng.
Xi măng Hà Tiên 1 , PC-40	2682:1999	Xây nhà cao tầng, trụ cầu, bến cảng, sân bay.
Xi măng Hà Tiên 1 PCs-40 (moderated sulfate resistant cement or low heat cement)	6069:1995	Dùng trong các công trình thủy điện, bê tông khối lớn.
Xi măng Hà Tiên 1 PCHs-40 (high sulfate resistant cement)	6067:1995	Đặc biệt dùng trong môi trường nước mặn như cầu cảng biển.



b. Các sản phẩm khác



Vữa tô



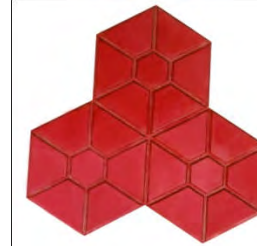
Vữa xây



Cát tiêu chuẩn



Gạch các loại



Vữa xây, vữa tô

- Hỗn hợp vật liệu 3 trong 1 pha chế sẵn gồm 2 loại Vữa công nghiệp (mác 50) và Vữa cao cấp (mác 75 và trở lên)
- 3 cỡ bao: 10 kg, 20kg, 50kg/bao
- Chỉ cần trộn đều với nước sạch (có định lượng ghi trên bao bì) là dùng được ngay

Cát tiêu chuẩn

- Điều chế từ nguồn cát cao silic tuyển lựa trong nước, đóng bao nylon 1.350g/gói. Thay thế hàng nhập cảng trước đây, Cát tiêu chuẩn Hà Tiên 1 đang cung cấp cho phòng Thí Nghiệm chuyên ngành VLXD trên toàn quốc.

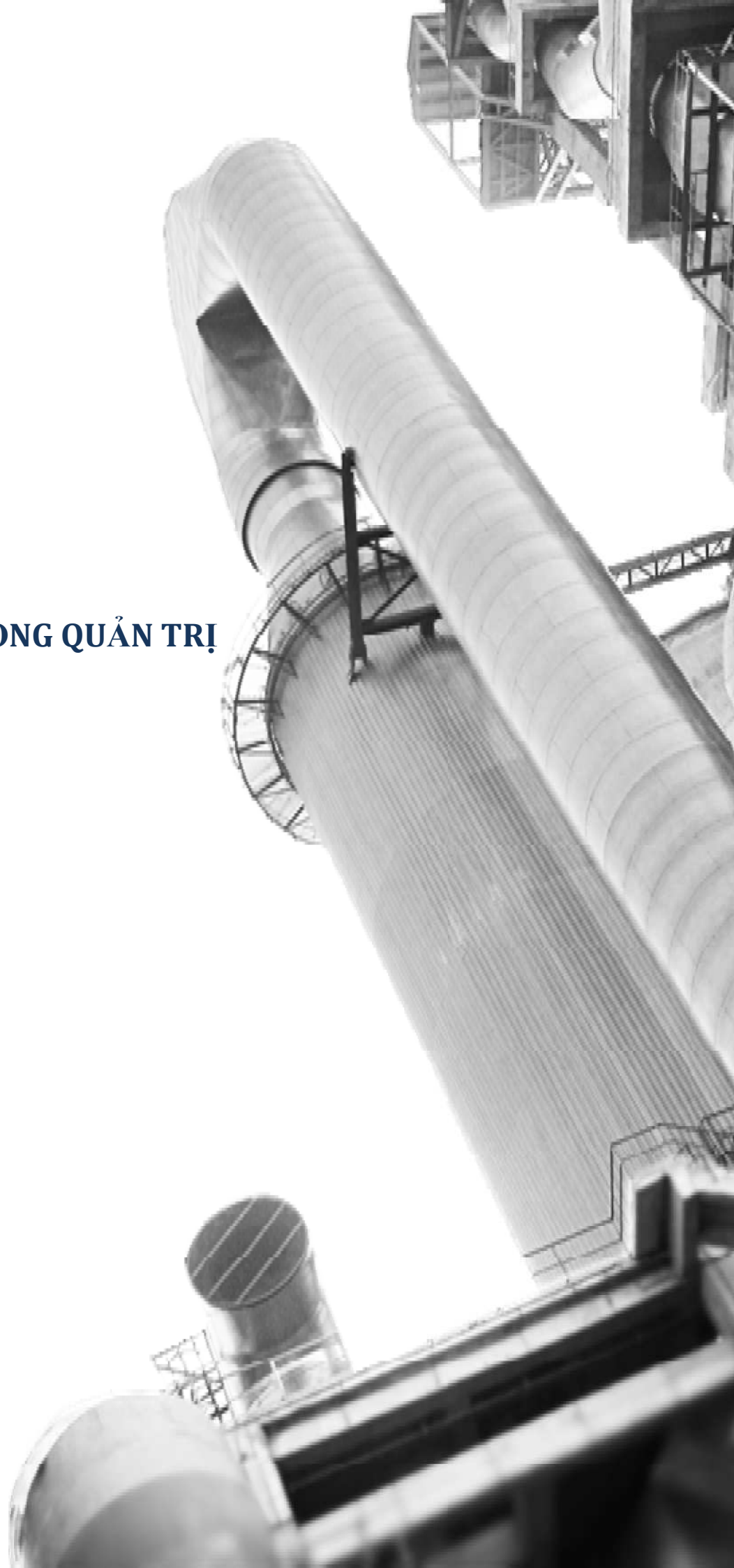
- Gạch Block

- Sản xuất từ xi măng Hà Tiên 1 + bột đá + phụ gia theo phối liệu chuẩn
- Dùng xây tường nhà, cao ốc, công trình công nghiệp
- Cách âm, cách nhiệt tốt, hạn chế phát tán lửa
- Ưu điểm thuận tiện, tiết kiệm, bền vững
- Nhiều loại với kích thước đa dạng, gạch nguyên, đờ mi, gạch cột;
- Sản xuất nhiều loại mác theo yêu cầu khách hàng

Gạch tự chèn

- Sản xuất từ Hà Tiên 1 + bột đá + phụ gia theo phối liệu chuẩn
 - Dùng lát vỉa hè, công viên, sân vườn ...
 - Không tốn hồ chèn gạch, có thể thay thế từng viên khi cần
 - Sản xuất nhiều loại màu và nhiều mác. 75 và trở lên
-

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

2.1. Tình hình hoạt động của Công ty năm 2009

Năm 2009 là năm thứ ba Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 1 hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, và là Công ty con trong Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam. Năm 2009 là năm tình hình kinh tế Việt Nam được đánh giá là đã vượt qua đỉnh điểm của ảnh hưởng suy giảm và trên đà hồi phục. Tuy nhiên, giá điện, than, xăng dầu tăng làm giá tiêu dùng biến động ở mức cao, tăng các chi phí đầu vào trực tiếp, tăng chi phí lưu thông và phân phối hàng hóa, xi măng ra thị trường. Phân khúc thị trường xi măng bao năm 2009 tăng tăng 8,93% so với năm 2008, và đạt khoảng 5,407 triệu tấn. Mức tăng này cũng là nhờ diễn biến tốt của nền kinh tế trong nước và các chính sách của Chính Phủ. Ngược lại, phân khúc xi măng xá tăng trưởng ở mức âm 0,4% so với năm 2008 với qui mô đạt khoảng 2,63 triệu tấn, mức tăng trưởng âm là do bị ảnh hưởng chung của ngành, ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế, các công trình lớn ít khởi công, các dự án đầu tư từ nước ngoài giảm sút, thị trường địa ốc vẫn chưa thật sự tái khởi động.

Bên cạnh đó với sự cạnh tranh ngày càng cao ở khu vực IV do sự xuất hiện các thương hiệu xi măng mới cũng ảnh hưởng tới tình hình hoạt động của Công ty. Giá bán nhiều nhãn hiệu xi măng được điều chỉnh giảm qua các tháng trong năm 2009, nhiều chương trình khuyến mãi được thực hiện với giá trị và tần suất lớn làm cho tình hình cạnh tranh giữa các nhãn hiệu xi măng thật sự rất gay gắt trong năm 2009.

Tuy nhiên, với nỗ lực và khả năng điều hành quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty, Xi Măng Hà Tiên 1 đã vượt qua một năm với kết quả kinh doanh ấn tượng, cụ thể là:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2007
Doanh thuần	Tr đồng	2.816.843	2.536.787	2.192.928
Tổng tài sản	Tr đồng	7.265.214	5.647.893	2.375.214
Vốn chủ sở hữu	Tr đồng	1.170.973	979.195	961.441
Vốn điều lệ	Tr đồng	1.100.000	870.000	870.000
Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao – EBITDA	Tr đồng	335.503	189.133	149.979
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	183.509	77.597	100.339
Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	160.613	77.597	100.339
ROA	%	2,49%	1,93%	3,98%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2008	Năm 2007
ROE	%	14,98%	8,02%	11,22%
EPS	đồng/tấn	1.697	892	1.153

Nhận diện các rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, như: nguồn clinker không ổn định do quá trình khai thác và vận chuyển còn nhiều bất cập trong khi clinker là nguyên vật liệu chính để sản xuất xi măng, chiếm tỷ trọng 80% trong tổng chi phí nguyên vật liệu, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhãn hiệu với các chính sách khuyến mãi với giá trị và tần suất lớn. Do đó, công tác tiêu thụ của Công ty được đặt lên vị trí hàng đầu cùng với mục tiêu chủ động nguồn clinker, nâng cao năng lực sản xuất, tiết giảm chi phí sản xuất, và triển khai các biện pháp :

- Thực hiện chiến lược cạnh tranh theo định hướng của ViCem, phối hợp với các thành viên trong ViCem tạo sức mạnh “bó đũa” để thống lĩnh thị trường. Duy trì thị phần ở các địa bàn đang có lợi thế cạnh tranh bằng cách củng cố kênh phân phối, chính sách bán hàng phù hợp theo điều kiện cạnh tranh.
- Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí đầu vào, tiết kiệm và kiểm soát chặt chẽ các trung tâm chi phí và loại bỏ những chi phí không mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.
- Duy tu bảo dưỡng, Cải tạo máy móc nâng công suất, đẩy nhanh tốc độ triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất.
- Linh hoạt sử dụng các công cụ tài chính phái sinh như: các dịch vụ hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn để giảm thiểu rủi ro tỷ giá.
- Thương lượng điều chỉnh giảm lãi suất và giải ngân đúng hạn theo như cam kết.
- Đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành dự án nhà máy xi măng Bình Phước đưa vào hoạt động, khai thác lợi thế về công nghệ tiên tiến và quy mô sản xuất trong năm 2010.
- Đầu tư hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng được nhu cầu phát triển lớn mạnh của Công ty.

2.2. Triển vọng và chiến lược phát triển của Công ty

Công ty đã và đang triển khai xây dựng các chiến lược nhằm duy trì vị trí hàng đầu trong ngành công nghiệp xi măng tại phía Nam với thương hiệu Xi măng ViCem Hà Tiên 1, như:

Chiến lược thị trường – phân phối

- Phát triển và xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu “ViCem - Hà Tiên 1”;
- Triển khai chiến lược xâm nhập và phát triển thị trường mới như thị trường Campuchia Lào, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; đồng thời tăng cường giữ vững thị trường khu vực

Đông Nam Bộ bao gồm Tp. HCM, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng; cũng như kế thừa và phát triển thị trường khu vực Tây Nam Bộ gồm Long An, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trải dài đến Cà Mau và Hà Tiên.

- Xây dựng các kênh phân phối đa dạng. Định hướng lại nhà phân phối theo hướng từng bước chuyển các nhà phân phối chính thành nhà phân phối độc quyền; hỗ trợ các nhà phân phối chính đủ lực phát triển thị trường và nắm bắt thị trường; khuyến khích các nhà phân phối chính đầu tư vào các phương tiện vận chuyển xi măng để chủ động vận chuyển, đặc biệt là các phương tiện thủy, các bến bãi tập kết và phân phối hàng;
- Thực hiện các kế hoạch, chiến lược về giá để có thể chủ động dẫn dắt giá bán trên thị trường, trong đó giá bán sẽ được điều chỉnh theo mùa vụ, mức độ cạnh tranh của thị trường và phù hợp với nền kinh tế thị trường;

Chiến lược đầu tư – công nghệ và sản xuất

- Nhà máy Bình Phước và Trạm nghiền xi măng phía Nam khi đi vào hoạt động sẽ nâng sản lượng sản xuất của Công ty lên trên 5 triệu tấn xi măng/năm, với công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại, chất lượng sản phẩm vượt trội, tiết kiệm tối đa nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng; bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường hiện hữu và thị trường mục tiêu.
- Triển khai và áp dụng triệt để hệ thống quản lý môi trường ISO 14000. Phát triển thêm 1 dây chuyền nghiền xi măng hiện đại tại Phú Hữu có công suất tương đương Trạm nghiền Thủ Đức (1,8 triệu tấn xi măng/năm), chuyển hoạt động tại Thủ Đức hiện nay qua kinh doanh bất động sản trên mảnh đất 10 ha tại Thủ Đức. Hoàn tất và đưa vào khai thác các dự án về bất động sản theo mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty.
- Tiếp nhận đầu tư dự án trạm nghiền xi măng Cam Ranh và đi vào hoạt động từ cuối năm 2010 với công suất thực tế 500.000 tấn xi măng/năm và công suất thiết kế mở rộng thêm 1 triệu tấn xi măng/năm nữa.
- Hoàn tất việc sáp nhập Hà Tiên 2 vào Hà Tiên 1: kế thừa và vận hành nhà máy Kiên Lương. Trong đó, ngưng sản xuất 02 lò tại Kiên Lương có công suất 260.000Tấn clinker/năm theo phương pháp ướt và cải tạo lò 3 có công suất 900.000 tấn/năm để tăng công suất, giảm tiêu hao năng lượng, hạ giá thành và hiện đại trong điều khiển, kiểm soát; kế thừa và vận hành trạm nghiền Long An; kế thừa và tiếp tục triển khai đưa dự án HT2.2 vào hoạt động trong năm 2011 với công suất thiết kế 1,26 triệu tấn clinker và 720 ngàn tấn xi măng mỗi năm nhằm đáp ứng cho sự gia tăng của thị trường khu vực, đồng thời tạo điều kiện giảm giá thành sản xuất, giành lại thị phần ở mức khoảng 50% tại khu vực Nam Bộ.
- Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh sản xuất và kinh doanh các sản phẩm với giá cả cạnh tranh, chất lượng ổn định, đa dạng về mẫu mã và màu sắc. Tiến tới thành lập xí nghiệp sản xuất các sản phẩm sau xi măng nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược mang tính lâu dài của Công ty.

- Hoàn thành dây chuyền 2 Bình Phước để đưa vào hoạt động từ năm 2014 với công suất 3,8 triệu tấn clinker/năm, đủ cân đối clinker cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, không còn phụ thuộc vào nguồn clinker mua, giúp hạ giá thành, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chiến lược về tổ chức – nhân sự:

Với quan điểm nguồn nhân lực là năng lực cốt lõi của Công ty để tạo ra lợi thế cạnh tranh, và đạt được mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Trong năm 2009, công ty vẫn tiếp tục mục tiêu đào tạo và phát triển cán bộ tiềm năng, đào tạo đội ngũ công nhân chuẩn bị nguồn nhân lực cho các dự án trong năm 2010.
- Triển khai trả lương theo giá trị công việc để nâng cao năng lực và tìm kiếm nguồn lao động bên ngoài có chất lượng và sáng tạo phù hợp nhu cầu tuyển dụng của Công ty.

Chiến lược nguồn vốn - cổ tức :

- Với cấu trúc vốn hiện tại, công ty đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư các dự án và mang tính thời cơ để đáp ứng nhu cầu phát triển của Xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện hóa đất nước. TNguồn vốn huy động để tài trợ cho dự án, đa phần là nguồn vốn huy động từ xã hội, thông qua việc vay trong nước và nước ngoài.
- Công ty đã tiến hành triển khai việc phát hành thêm vốn điều lệ, để từng bước cấu trúc vốn nhằm giảm rủi ro tài chính, và thực hiện duy trì chính sách trả cổ tức thấp phục vụ tái đầu tư để tạo ra một giá trị lớn hơn trong tương lai, tạo điều kiện cho Công ty phát triển bền vững và thích ứng cao, phù hợp với chiến lược của công ty và định hướng chiến lược phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2020.

2.3. Công tác tổ chức của HĐQT năm 2009

- HĐQT hiện nay gồm có 7 thành viên trong đó có 3 thành viên không chuyên trách và 4 thành viên chuyên trách. Số lượng và số thành viên HĐQT của Công ty không có sự thay đổi trong năm 2009.
- Mức thù lao của HĐQT & BKS:

Chức danh	Mức thù lao
Chủ tịch HĐQT	6.000.000 đồng/tháng
Ủy viên HĐQT	4.000.000 đồng/tháng
Thư ký HĐQT	3.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban Kiểm Soát	4.000.000 đồng/tháng
Ủy viên Ban Kiểm Soát	3.000.000 đồng/tháng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



III. Báo cáo của Ban giám đốc

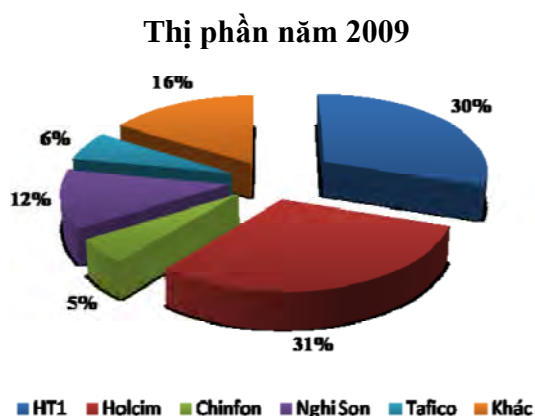
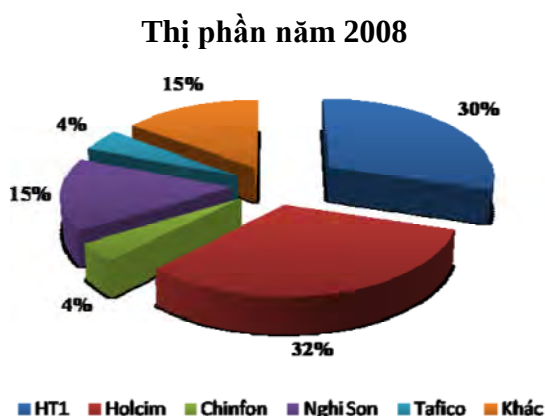
3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

(a) Tiêu thụ và phân phối năm 2009

Tổng lượng tiêu thụ xi măng Hà Tiên 1 trong năm 2009 đạt 2.626.307 tấn, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2008 nhưng chỉ đạt 87% so với kế hoạch do một số nguyên nhân chính sau:

- Nguồn cung xi măng Hà Tiên 1 bị hạn chế từ tháng 3 tới tháng 6/2009, cầu xi măng Hà Tiên 1 tăng cao và không được đáp ứng, Hà Tiên 1 phải phân lượng cho từng nhà phân phối chính, trong khi đó, các loại xi măng khác cạnh tranh quyết liệt và áp dụng nhiều chương trình khuyến mại.
- Thị trường các tỉnh Nam Trung Bộ – Tây Nguyên duy trì được mức tiêu thụ khá hơn năm trước nhờ nguồn gia công tại Phú Yên và Hải Vân và mở thêm một số địa điểm tiêu thụ mới, tuy nhiên do ảnh hưởng của mưa bão nên lượng tiêu thụ vẫn chưa đạt được kỳ vọng đặt ra.
- Việc cung cấp xi măng cho thị trường Nam Trung Bộ - Tây Nguyên bằng nguồn sản xuất từ Phú Hữu không liên tục vì bị thiếu phương tiện vận chuyển và ảnh hưởng của thời tiết.
- Chất lượng xi măng xá Hà Tiên 1 trước Q.II/2009 không ổn định và không đạt như mong muốn của khách hàng nên không thể tăng thị phần tại phân khúc này. Từ tháng 6/2009 Hà Tiên 1 đã đưa chủng loại xi măng xá được nghiền từ Trạm nghiền Phú Hữu ra thị trường, với chất lượng ổn định đảm bảo sự cạnh tranh với các đối thủ khác.
- Độ phủ xi măng Hà Tiên 1 tại thị trường khu vực IV tăng cao hơn năm 2008 (tăng 2%). Số lượng Cửa hàng VLXD có bán xi măng Hà Tiên 1 đạt con số 3.067 cửa hàng.
- Năm 2009, Hà Tiên 1 đã củng cố tốt hơn kênh phân phối khu vực Nam Trung Bộ – Tây Nguyên, nâng cao sản lượng tiêu thụ và thị phần xi măng Hà Tiên 1 tại thị trường này.

Thị phần xi măng của HT1 tại Khu vực Đông Nam Bộ



(b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Ngân sách năm 2009	Thực hiện năm 2009	% tăng giảm so với ngân sách
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3.000.000	2.626.307	87,54%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.181,16	2.816,84	88,55%
EBITDA - Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, lãi vay và khấu hao	"	582,51	335,50	57,59%
Lợi nhuận trước thuế	"	180,00	183,50	101,94%
Lợi nhuận sau thuế			160,61	
Nộp ngân sách	"	265,24	303,69	114,48%
Tỷ lệ chi trả cổ tức *	%	10,00	10,00	100,00%

Ghi chú : *trong năm Công ty đã tạm ứng cổ tức 10% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đã được thông qua ngày 18/04/2009.

Quyết nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị số 06/03/HT1-HĐQT/2010 ngày 18/03/2010 v.v tạm ứng chia cổ tức năm 2009.

Doanh thu thuần năm 2009 chỉ tăng 11,04% so với năm 2008 nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 143,58% so với 2008. Lợi nhuận sau thuế đạt 160,6 tỷ đồng, tăng 160,98% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh trong năm 2009 là do phát huy hiệu quả từ gói hỗ trợ kích thích kinh tế của Chính Phủ, về giảm thuế giá trị gia tăng (thuế VAT) đối với giá bán các sản phẩm xi măng là 50% hết năm 2009. Đồng thời ưu đãi lãi suất từ chính sách hỗ trợ lãi suất cũng góp phần làm tăng lợi nhuận.

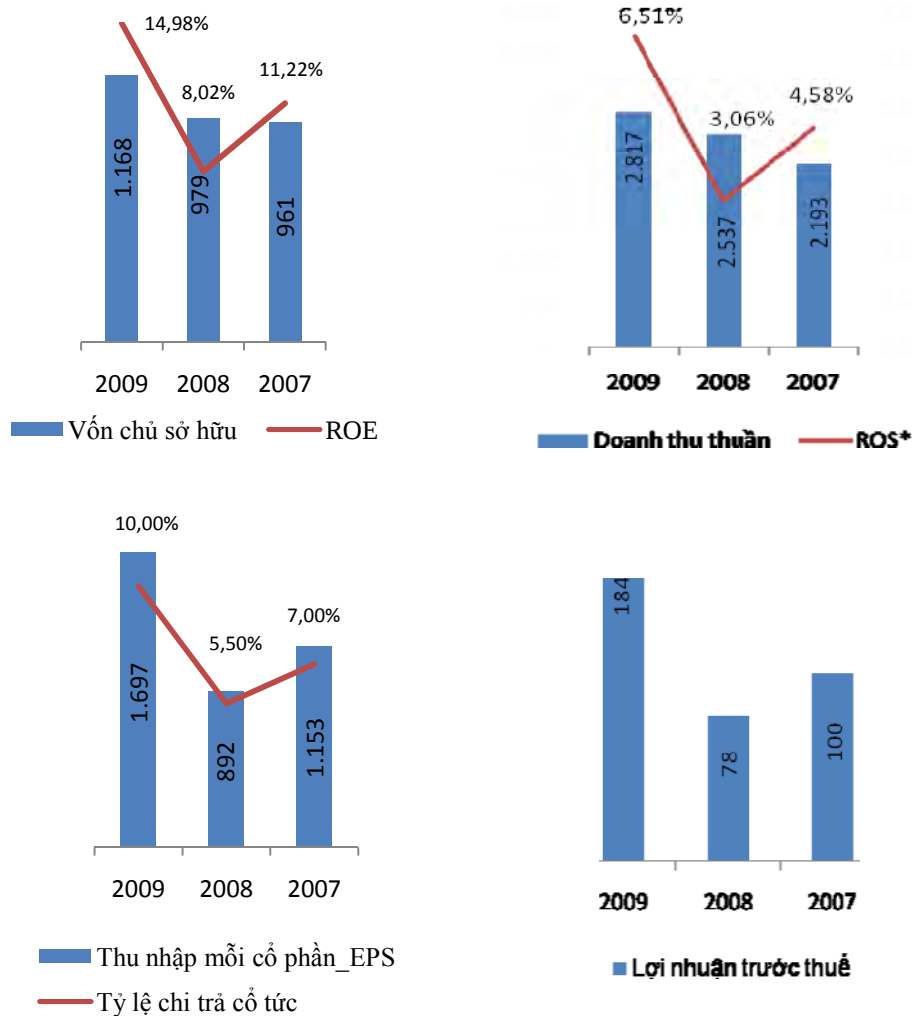
EBITDA đạt 57,59% so với kế hoạch, nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ giảm và tiến độ của các dự án chậm hơn với dự kiến, chưa bao gồm giá trị thặng dư từ nguồn Clinker Bình Phước đóng góp trong năm. Tuy nhiên, trong năm 2010 hứa hẹn sẽ thể hiện tiềm năng phát triển của Công ty trong tương lai khi từng bước chủ động được nguồn clinker và nâng cao năng lực sản xuất, phát huy sức mạnh thương hiệu.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý đạt 282,25 tỷ đồng, giảm 24,11 tỷ đồng, tương ứng giảm 8,54%, chủ yếu là do giảm chi phí khuyến mãi và chi phí tiền lương khối quản lý so với ngân sách năm.

3.2. Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	%	0,66	1,01
- Hệ số thanh toán nhanh	%	0,35	0,34
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	Lần	0.83	0.82
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Lần	5,21	4,77
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,49	1,97
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,39	0,45
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,51	3,06
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,72	7,92
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,21	1,37
- Hệ số Lợi nhuận thuần từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	9,36	5,88

Một số chỉ tiêu tài chính nổi bật trong năm 2009



3.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm và những tiến bộ mà Công ty đạt được

a. Công tác sản xuất

- Đẩy nhanh tiến độ dự án Trạm nghiền xi măng phía Nam, đưa máy nghiền đi vào hoạt động, nâng sản lượng nghiền của Hà Tiên 1 lên 2.129.389 tấn tăng 21% so với năm 2008.
- Ổn định chất lượng xi măng, đặc biệt là chất lượng xi măng xá công nghiệp do được nghiền bằng công nghệ mới. Kết quả tiêu thụ xi măng xá trong năm tăng 29% so với năm 2008.
- Duy trì màu sắc truyền thống sản phẩm Hà Tiên 1, đảm bảo trọng lượng bao khi xuất hàng, giữ vững uy tín thương hiệu Vicem Hà Tiên 1.
- Thực hiện tốt các đợt đại tu thiết bị trong năm, huy động tối đa năng lực nghiền, duy trì sản xuất liên tục để tăng sản lượng cung ứng cho thị trường.
- Chủ động ký hợp đồng và tiếp nhận xi măng gia công với các đơn vị trong và ngoài Vicem, nhằm bình ổn thị trường trong mùa khô.

b. Công tác đầu tư vào các dự án và đổi mới doanh nghiệp

Với mục tiêu nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng sự phát triển của thị trường các năm tiếp theo. Tiếp tục đồng bộ hoá sản xuất, đổi mới và nâng cấp thiết bị công nghệ để tăng khả năng cạnh tranh và cải thiện môi trường.

Ban quản lý Dự án và các đơn vị thực hiện công tác Đầu tư Xây dựng đã có rất nhiều cố gắng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án, đặc biệt là Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, Dự án trạm nghiền và phân phối xi măng phía Nam. Đến cuối năm 2009, việc thực hiện các dự án đầu tư phát triển đạt được kết quả như sau:

Nội dung	Kế hoạch năm 2009	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ (%)
<u>Tổng giá trị khối lượng dự án</u>	<u>1.996.761</u>	<u>1.752.513</u>	<u>87,77%</u>
1. Dự án Trạm nghiền XM Phía Nam - Quận 9	213.946	226.481	105,86%
2. Dự án Nhà máy XM Bình Phước	1.750.174	1.495.045	85,42%
3. Các dự án khác	32.641	30.987	94,93%
Trong đó :			
<i>Trạm đập Puzolan Vĩnh Tân</i>	<i>650</i>	<i>650</i>	<i>100,00%</i>
<i>Văn phòng 360 BCD</i>	<i>30.944</i>	<i>27.222</i>	<i>87,97%</i>
<i>Tường rào công ty</i>	<i>1.047</i>	<i>3.115</i>	<i>297,46%</i>

Dự án nhà máy tiếp nhận nghiền xi măng phía Nam hoàn thành và đưa vào hoạt động ngày 24.08.2009.



Dự án nhà máy xi măng Bình Phước dự kiến hoàn thành và đưa vào chạy thử vào đầu quý I/2010.



c. Công tác phát triển thị trường

- Tăng cường đáp ứng và đẩy mạnh xi măng xá công nghiệp từ Phú Hữu và Trạm nghiền Thủ Đức để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng lượng xi măng tiêu thụ.
- Lượng xi măng tiêu thụ không cao do ngành xây dựng vẫn còn chịu tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng.
- Tiếp tục tăng cường một số chính sách như khuyến mại cho các NPPC nhận XM bằng đường thủy, gia hạn mức khuyến mại cho các cửa hàng VLXD, ban hành mức chiết khấu và hỗ trợ thêm cho NPPC ở một số tỉnh,...
- Tăng cường dịch vụ khách hàng, dịch vụ kỹ thuật và hoạt động thương vụ nhằm tăng sức cạnh tranh.
- Duy trì thị trường truyền thống, tăng cường đưa sản phẩm ra tiêu thụ tại các tỉnh miền Trung và mở rộng thêm địa bàn tiêu thụ tại hai tỉnh Quảng Ngãi và Khánh Hòa để tăng độ phủ sản phẩm Hà Tiên 1, chuẩn bị thị trường cho sản phẩm của nhà máy xi măng Bình Phước.
- Nâng cao sản lượng tiêu thụ xi măng xá bằng cách thâm nhập thị trường xây dựng công nghiệp thông qua việc tăng cường tiếp thị tới một số công trình trọng điểm quốc gia như Thủy điện Damri, Thủy điện Đồng Nai 5...
- Chủ động liên hệ ký kết hợp đồng gia công với các đơn vị sản xuất xi măng ngoài Tổng Công ty để tăng thêm nguồn xi măng cung ứng cho thị trường.
- Phối hợp với Nhà phân phối chính, triển khai chương trình xuất khẩu sang Campuchia, tạo đà xuất khẩu sang các nước trong khu vực khi sản xuất vượt nhu cầu tiêu thụ thị trường nội địa.

Công ty đã và đang triển khai xây dựng các chiến lược nhằm duy trì vị trí hàng đầu trong ngành công nghiệp xi măng tại miền Nam với thương hiệu Xi măng Hà Tiên 1 biểu tượng “**Con Kỳ Lân xanh**”, như:

- Thực hiện các chương trình hỗ trợ sau bán hàng cho nhà phân phối chính, hệ thống cửa hàng vật liệu xây dựng và người tiêu dùng nhằm tạo lực kéo và đẩy hàng phù hợp nhất.
- Mở rộng thị trường, tăng độ phủ của hàng vật liệu xây dựng bán xi măng Hà Tiên 1 tại các vùng mà độ phủ còn thấp : Tây ninh, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu...đặc biệt tại các tỉnh Nam Trung Bộ – Tây Nguyên.
- Khai thác tốt lợi thế đường thủy để đưa xi măng về các địa bàn một cách thuận lợi và dễ dàng hơn.
- Tập trung vào các điểm, các “ngách” thị trường xi măng Hà Tiên 1 còn yếu để phát triển. Mở rộng thêm các nhà phân phối trực thuộc nhà phân phối chính nhằm bảo vệ và phát triển các thị trường “ngách” tốt hơn.
- Xây dựng kênh phân phối và thực hiện việc phân phối xi măng cho thị trường Cambodia.
- Tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm bằng đường thủy, mở rộng thêm các điểm giao hàng trong khu vực IV, tạo điều kiện thuận lợi nhất để khách hàng dễ dàng nhận hàng tại các cảng gần nhất.
- Đẩy mạnh, nâng cao sự nhận diện thương hiệu Vicem Hà Tiên 1 thông qua các kênh truyền thông như truyền hình, gian hàng trưng bày, công tác PR, hội chợ...
- Ổn định việc cung cấp hàng cho thị trường Nam Trung Bộ – Tây Nguyên.

Các Hoạt động thị trường – khuyến mãi 2009:

- Duy trì thăm viếng, dịch vụ sau bán hàng cho nhà phân phối chính và cửa hàng hàng tháng.
- Duy trì khảo sát hệ thống của hàng 2 lần trong năm 2009 (Quý 2 và Quý 4).
- Quý 2 nhu cầu thị trường tăng cao nhưng HT1 không đủ sản lượng để cung cấp nên hoạt động khuyến mại không mạnh. Sang Quý 3 mưa nhiều nhu cầu thấp nên tăng cường khuyến mại. Đến Quý 4 HT1 đã tăng cường khuyến mại để tăng sản lượng tiêu thụ và lấy lại thị phần.

Các Hoạt động thương hiệu 2009 :

Chương trình	Hình ảnh
Quảng cáo trên Radio, báo chí thông qua chương trình "Vicem Hà Tiên 1 - Đồ Móng Vàng"	
Quảng cáo việc thay đổi vỏ bao và thương hiệu Vicem Hà Tiên 1	
Quảng cáo thương hiệu kết hợp với P.R trên báo dịp "kỉ niệm 45 năm Hà Tiên 1".	
Thực hiện trên 800 bảng hiệu CH VLXD	
Thực hiện làm các cửa hàng mẫu	
Tham dự các hội chợ triển lãm ngành xây dựng	

3.4. Kế hoạch năm 2010

Dự báo tăng trưởng ngành

Tăng trưởng kinh tế GDP năm 2009 là 5,23% và mục tiêu năm 2010 phấn đấu tăng trưởng GDP tối đa ở mức 6,5%. Vốn đầu tư toàn xã hội phấn đấu trong năm 2010 đạt 77,598 triệu USD, tăng ở mức 39,5% so với năm 2009. Sản xuất công nghiệp năm 2010 ước tính tăng 8-10% so với năm 2009.

Dự báo về tăng trưởng xuất khẩu năm 2010 sẽ đạt thấp ước đạt 62,54 tỉ USD tăng 6 - 7% so với năm 2009, đầu tư nước ngoài cũng tăng trưởng ở mức thấp, hệ lụy của khủng hoảng kinh tế thế giới tiếp tục tác động xấu tới nền kinh tế. Cầu xây dựng công nghiệp tăng trưởng không cao.

Lạm phát có chiều hướng tăng trong năm 2010, giá các loại nông sản giảm; lợi nhuận của các công ty thấp kéo theo thu nhập của tầng lớp công nhân giảm nhiều và bị nhiều yếu tố khác ảnh hưởng. Cầu xây dựng dân dụng cũng ở mức thấp.

Dự báo năm 2010 tăng trưởng ngành ở mức khoảng 11,5% so với năm 2009, Tổng cầu đạt khoảng : 50 triệu tấn.

Tổng cung năm 2010: dự kiến nguồn cung sẽ rất dồi dào, nhiều nhà máy mới đi vào hoạt động trong năm 2009 như: Xi măng Hạ Long, Xi măng Hoàng Long, dây chuyền 2 Bim Sơn, dây chuyền 2 của Chinfon, dây chuyền 2 Bút Sơn, dây chuyền 2 Nghi Sơn...góp phần làm tăng nguồn cung. Dự kiến Cung của toàn xã hội sẽ đạt trên 55 triệu tấn.

Như vậy, Cung sẽ vượt cầu khoảng 5 triệu tấn trong năm 2010, xi măng sẽ dư thừa cục bộ, do đó việc tìm kiếm thị trường và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

Dự báo thị trường khu vực IV

Thị trường xi măng khu vực IV năm 2010 sẽ bị tác động kém tích cực bởi nhiều yếu tố đặc biệt là các yếu tố nội tại của nền kinh tế.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tp.HCM và các tỉnh đông nam bộ, dự báo chưa thật sự bùng nổ do vừa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, hầu hết các tỉnh đều đặt mục tiêu tăng trưởng GDP không cao. Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài dự báo tăng không lớn.
- Dự kiến thị trường xi măng khu vực IV năm 2010 sẽ chỉ tăng lạc quan nhất khoảng 8% - 11% so với năm 2009 với kỳ vọng triển vọng kinh tế sẽ hồi phục và tốt hơn trong năm 2011.
- Dự báo cầu xi măng khu vực IV năm 2010 đạt 8,8 triệu tấn

Nguồn cung của các nhà sản xuất trong khu vực vẫn duy trì mức sản lượng cung ứng như năm

2009. Theo tính toán sơ bộ, chỉ tính riêng nguồn cung của các nhà sản xuất tại chỗ và các nhãn hiệu đang có mặt tại thị trường thì nguồn cung năm 2010 đã cao hơn cầu năm 2010 ít nhất là 52,0% hay trên 4,6 triệu tấn, chưa tính đến lượng xi măng từ phía bắc và trung bộ đưa vào như Vinakansal, Kim Định, Hải Phòng, Sông Gianh, Phúc Sơn... và một số nhà máy ở khu vực Tây nam bộ đưa lên.

- Năm 2010, sự kiện đưa nhà máy xi măng Bình Phước vào hoạt động từ đầu năm sẽ đáp ứng nguồn clinker bổ sung cho sản xuất với giá thành thấp.
- Các trạm nghiền trong khu vực dễ dàng tìm kiếm các nguồn Clinker giá rẻ để duy trì sản xuất và tối ưu hóa công suất hiện có.
- Chi phí điện than trong nước tăng, các nhà sản xuất clinker sẽ bị ảnh hưởng và giá nội địa sẽ kém cạnh tranh hơn so với các nước trong khu vực so với thời điểm hiện nay.

Mục tiêu thị trường và thương hiệu

- Tạo sự nhận biết thương hiệu mới “Vicem -Hà Tiên 1” ở mức 95% đối với khách hàng khu vực Đông Nam Bộ và 70% khu vực nam trung bộ tây nguyên.
- Tạo lòng yêu mến và tự hào về thương hiệu Vicem-Hà Tiên 1 trong lòng người sử dụng khu vực IV yếu tố chính thúc đẩy khách hàng chọn mua sản phẩm Hà Tiên 1.
- Tạo cho người tiêu dùng biết xi măng Vicem Hà Tiên 1 tốt và thích hợp cho xây tô và đổ móng.
- Tạo cho khách hàng nhận biết thêm các dòng sản phẩm mới mà thương hiệu Vicem - Hà Tiên 1 mở rộng, đặc biệt là Vừa Xây – Vừa Tô Hà Tiên1.
- Xâm nhập và tăng thị phần xi măng xá để đạt mục tiêu sản lượng như trên.
- Xâm nhập và tăng thị phần xi măng bao lên mức cao trên 42% tại khu vực IV.
- Tạo độ phủ dày hơn tại thị trường khu vực IV trên 90%.
- Mở rộng thị trường và tăng độ phủ tại các tỉnh miền trung và Tây Nguyên, trong đó tập trung mạnh tại các tỉnh : Đaknông, Đaklak, Gia Lai, Bình Định, Khánh Hòa và Phú Yên.
- Thiết lập hệ thống phân phối tại Cambodia và bán hàng theo mục tiêu 100.000 tấn năm 2010.
- Mở rộng thêm thị trường ra các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với lượng tiêu thụ mục tiêu đạt 410.000 tấn năm 2010.

Mục tiêu sản xuất

- Tiếp tục đột phá sáng tạo, áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong sản xuất xi

măng, đảm bảo duy trì tiêu hao nguyên liệu hợp lý.

- Đảm bảo ổn định chất lượng xi măng xá để phát triển mạnh vào thị trường xây dựng công nghiệp.
- Triển khai áp dụng sản xuất gạch có trọng lượng giảm, kích cỡ thích ứng với nhu cầu xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Triển khai tiếp nhận Nhà máy Kiên Lương, Trạm nghiền Long An, Trạm nghiền Cam Ranh

Mục tiêu đầu tư

- Hoàn thành thi công xây dựng và bàn giao lắp máy tất cả các hạng mục của dây chuyền sản xuất xi măng của dự án nhà máy Bình Phước.
- Triển khai tiếp nhận và tiếp tục đầu tư dự án HT2.2.
- Xúc tiến các bước tiếp theo để thực hiện đầu tư giai đoạn 2 của dự án Nhà máy xi măng Bình Phước.
- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống ERP phiên bản mới theo chương trình công nghệ thông tin ERP của Tổng Công ty, thực hiện mục tiêu tối ưu hóa sản xuất và phân phối giúp tăng khả năng cạnh tranh, cung cấp công cụ để quản lý nội bộ.
- Tiếp nhận dự án Trạm nghiền xi măng Cam Ranh, sớm đưa vào hoạt động, tăng thị phần xi măng tại thị trường miền Trung thị phần và tiết giảm chi phí gia công và vận chuyển.

Các biện pháp thực hiện những mục tiêu đề ra

Phân khúc xi măng dân dụng :

- Tập trung vào quảng bá, xây dựng thương hiệu tạo lực kéo cho sản phẩm.
- Tập trung hệ thống NPPC và CH VLXD để đẩy hàng tới người tiêu dùng (Cốt lõi là tạo được động lực kéo hàng của hệ thống CH VLXD từ NPPC).
- Xâm nhập các ngách thị trường bằng cách phát triển thêm các NPP độc quyền HT1.
- Tổ chức việc giao hàng bằng đường thủy, mở rộng thêm các điểm giao hàng trong khu vực IV, tạo điều kiện thuận lợi nhất để khách hàng dễ dàng nhận hàng tại các cảng gần nhất.

Phân khúc xi măng xá công nghệ:

- Ổn định chất lượng sản phẩm và đáp ứng theo yêu cầu của xi măng làm bê tông tươi, sao cho chất lượng tối thiểu vượt trội với các nhãn hiệu cạnh tranh.
- Tiếp thị trực tiếp đến các trạm trộn, Công trình công nghiệp, Công ty cấu kiện bê tông đúc

sẵn.

- Chính sách giá và hỗ trợ phù hợp cho mỗi trạm trộn, NPPC để chiếm thị phần.

Tổ chức lại kênh phân phối :

- Tổ chức lại kênh phân phối theo định hướng :
 - Chuyển đổi dần các NPPC xi măng Hà Tiên 1 chỉ phân phối xi măng Vicem.
 - Kiểm soát rõ đường đi của sản phẩm để tăng lượng tiêu thụ.
 - Tận dụng được các thế mạnh của các đầu mối tại mỗi thị trường nhất định.
 - Phát triển được thị trường theo mục tiêu của Hà Tiên 1, hệ thống phân phối không bị chồng chéo.
- Tiếp tục thực hiện theo mô hình kênh phân phối hiện hữu; tập trung mở thêm Nhà Phân Phối trực thuộc các Nhà phân phối chính nhằm tăng khả năng phân phối của hệ thống, chọn các nhà phân phối :
 - Các đầu mối có bến thủy, kho bãi tại khu vực IV.
 - Các đầu mối lớn chiếm thị phần phân phối lớn tại các thị trường đặc thù.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2010:

Các chỉ tiêu sản xuất	ĐVT	Mục tiêu
Sản xuất		
1. Xi măng nghiền sản xuất	Tấn	6.050.000
2. Sản xuất CLinker	Tấn	2.420.000
Tiêu thụ		
1. Xi măng	Tấn	6.050.000
Trong đó : XM xá	Tấn	700.000
Các chỉ tiêu tài chính		
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.653
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	320
Cổ tức	%	5
Vốn cổ phần	Triệu cổ phần	198

Ghi chú : Chỉ tiêu sản xuất, tiêu thụ và các chỉ tiêu tài chính trên bao gồm số liệu được trích từ ngân sách năm 2010 của Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên 2.

Các chỉ tiêu tài chính tóm tắt thực hiện 4 tháng đầu năm. (số liệu trước kiểm toán)

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 4 tháng đầu năm		Tổng Cộng
		Hà tiên 1	Hà tiên 2	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	951	489	1.440
Lợi nhuận trước thuế	-"-	43	39	82
Lợi nhuận sau thuế	-"-	37	29	66
Vốn điều lệ	-"-	1.100	880	1.980
EPS	Đồng/cổ phần	336	329	665

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



IV. Báo cáo Ban kiểm soát

Hoạt động kiểm tra báo cáo tài chính

- **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
 - Hội đồng quản trị có bảy thành viên được Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, các thành viên của hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, ra các quyết định kịp thời trong năm 2009 tạo điều kiện cho công ty hoạt động đạt hiệu quả cao trong điều kiện nền kinh tế bị tác động bởi cuộc suy giảm kinh tế trên thế giới và khủng hoảng tài chính.
 - Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2009, quyết định của hội đồng quản trị đều được thực hiện đảm bảo vai trò định hướng chiến lược phát triển lớn mạnh của Công ty, tuân thủ theo Luật định, điều lệ và quy chế của Công ty. Luôn đảm bảo tăng lợi ích của các Cổ đông và của công ty.
- **Hoạt động của Ban Giám đốc điều hành**
 - Trong năm 2009, Ban Giám đốc điều hành có bốn thành viên, đã đề ra nhiều giải pháp khắc phục các khó khăn, cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã nỗ lực phấn đấu, đóng góp rất lớn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, tài chính và lao động của công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước và các chế độ chính sách cho người lao động.
- **Hoạt động kiểm tra báo cáo tài chính**
 - Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát các hoạt động của Công ty theo định kỳ và thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2008 đã được Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư Vấn và Kiểm Toán- A&C. Xét trên nguyên tắc trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 31/12/2009, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN



V. Các công ty có liên quan

Công ty nắm giữ trên 50% vốn góp: Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam) sở hữu 65,95 % cổ phần của Công ty, nắm quyền kiểm soát Công ty.

- Công ty có trên 50% vốn góp: không có
- Công ty góp vốn liên kết, liên doanh: không có

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



VII. Tổ chức và nhân sự

7.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

a. Số lượng nhân viên và trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Tổng số lao động của Công ty đến 31/12/2009 là 1.608 người

- Lao động quản lý: 71 người
- Lao động gián tiếp: 801 người
- Lao động trực tiếp sản xuất: 807 người

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bậc thợ của người lao động:

- Trên đại học: 25 người
- Đại học: 384 người
- Cao đẳng: 31 người
- Trung cấp: 100 người
- Công nhân kỹ thuật: 908 người

b. Công tác tổ chức lao động, thu nhập và đào tạo

Tổ chức lao động

- Hoàn tất các đợt tuyển dụng lao động của năm 2009;
- Từng bước thực hiện công tác tái cấu trúc và bố trí lao động, đề bạt, luân chuyển cán bộ phù hợp năng lực;
- Xác định chức danh và giá trị công việc của người lao động ở từng đơn vị;
- Tiếp tục bố trí việc làm cho các công nhân kỹ thuật của 2 dự án để người lao động có thu nhập và tay nghề, sẵn sàng chuyển giao cho các dự án khi có nhu cầu.
- Thu nhập bình quân thực hiện trong năm 2009 là 8,46 triệu so với năm 2008 là 6,4 triệu đồng/người/tháng và năm 2007 là 5,5 triệu đồng/người/tháng.

Đào tạo

- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo xây dựng kỹ năng quản lý KPI cho Trưởng các đơn vị;
- Tổ chức lớp học MBA các đợt cho các cán bộ tiềm năng và khóa học Anh văn cho các CBCNV;

6.2. Thông tin về tiền lương và tiền thưởng của Ban điều hành

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thù lao cho chức vụ kiêm nhiệm</i>	<i>Lợi ích và chi phí khác</i>
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch	72.000.000	
Ngô Minh Lãng	Thành viên	48.000.000	
Triệu Quốc Khải	Thành viên	48.000.000	
Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	48.000.000	
Tô Hải	Thành viên	48.000.000	
Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	48.000.000	
Mai Văn Yên	Thành viên	48.000.000	
Ban Kiểm Soát			
Trần Minh Huy	Trưởng ban	48.000.000	
Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	36.000.000	
Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	36.000.000	
Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	36.000.000	
Vy Thùy Vân	Thành viên	36.000.000	

6.3. Thông tin HĐQT, BGĐ, BKS

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1	Ông: NGUYỄN NGỌC ANH	Chủ tịch HĐQT
	Năm sinh:	02/08/1953
	Trình độ văn hoá:	12/12
	Trình độ học vấn:	Kỹ sư Hóa Silicát, Kỹ sư điện tử
2	Ông: NGÔ MINH LĂNG	Thành viên HĐQT – Giám đốc
	Năm sinh:	17-08-1957
	Trình độ văn hoá:	12/12
	Trình độ học vấn:	Kỹ sư cơ khí
3	Ông: TRIỆU QUỐC KHẢI	Thành viên HĐQT – Kiêm Giám Đốc Trạm Nghiên Phú Hữu
	Năm sinh:	01-01-1961
	Trình độ văn hoá	12/12
	Trình độ học vấn	Kỹ sư máy thiết bị hóa chất
4	Ông: PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG	Thành viên HĐQT – Trưởng Phòng Kế toán Thống Kê Tài Chính
	Năm sinh:	02-02-1962
	Trình độ văn hoá:	12/12
	Trình độ học vấn:	Cử nhân Tài chính kế toán, (CFO)
5	Ông: TÔ HẢI	Thành viên HĐQT
	Năm sinh:	01-12-1973
	Trình độ văn hoá:	12/12
	Trình độ học vấn:	Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Úc
6	Ông: MAI VĂN YÊN	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc
	Năm sinh:	10-10-1959
	Trình độ văn hoá:	12/12
	Trình độ học vấn	Kỹ sư Hóa Silicát

7	Ông: NGUYỄN VĂN CHUYỀN Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên HĐQT 18-08-1962 12/12 Kinh doanh khai thác vận tải biển
BAN GIÁM ĐỐC		
1	Ông: NGÔ MINH LĂNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên HĐQT – Giám đốc 17-08-1957 12/12 Kỹ sư cơ khí
2	Ông: MAI VĂN YÊN Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc 10-10-1959 12/12 Kỹ sư Hóa Silicát
3	Ông: PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên HĐQT – Trưởng Phòng Kế toán Thống Kê Tài Chính 02-02-1962 12/12 Cử nhân Tài chính kế toán, (CFO)
4	Ông: HOÀNG KIM CƯỜNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên Ban giám đốc 19-07-1957 12/12 Kỹ sư Điện kỹ thuật
BAN KIỂM SOÁT		
1	Ông: TRẦN MINH HUY Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Trưởng Ban kiểm soát 01-01-1957 12/12 Cử nhân kinh tế

2	Bà: Vy Thùy Vân Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn	Thành viên Ban kiểm soát 30-06-1981 12/12 Cử nhân kinh tế
3	Bà: NGUYỄN THỊ TỔNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên Ban kiểm soát 27-09-1976 12/12 Chứng chỉ Kế toán tài chính
4	Ông: PHẠM THẾ NGHĨA Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên Ban kiểm soát 01-06-1976 12/12 Cử nhân kinh tế
5	Ông: TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên Ban kiểm soát 24-10-1979 12/12 Cử nhân Kinh tế
KẾ TOÁN TRƯỞNG		
1	Ông: PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG Năm sinh: Trình độ văn hoá: Trình độ học vấn:	Thành viên HĐQT – Trưởng Phòng Kế toán Thống kê Tài Chính 02-02-1962 12/12 Cử nhân Tài chính kế toán, (CFO)

6.4. Thông tin về số cổ phần, vốn góp của HĐQT, BGĐ, BKS, KTT,

Họ tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	Đại diện sở hữu
Hội đồng quản trị			
Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch	2.950	33.000.000
Ngô Minh Lãng	Thành viên	3.213	26.400.000
Triệu Quốc Khải	Thành viên	0	6.600.000
Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	1.890	6.543.873
Tô Hải	Thành viên	63.000	0
Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	630.835	4.364.955
Mai Văn Yên	Thành viên	3.080	0
Ban giám đốc			
Ngô Minh Lãng	Giám Đốc	Như trên	
Phạm Đình Nhật Cường	Phó Giám Đốc	Như trên	
Hoàng Kim Cường	Phó Giám Đốc	3.213	
Mai Văn Yên	Phó Giám Đốc	Như trên	
Ban kiểm soát			
Trần Minh Huy	Trưởng ban	0	705.331
Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên	0	0
Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	0	0
Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	750	0

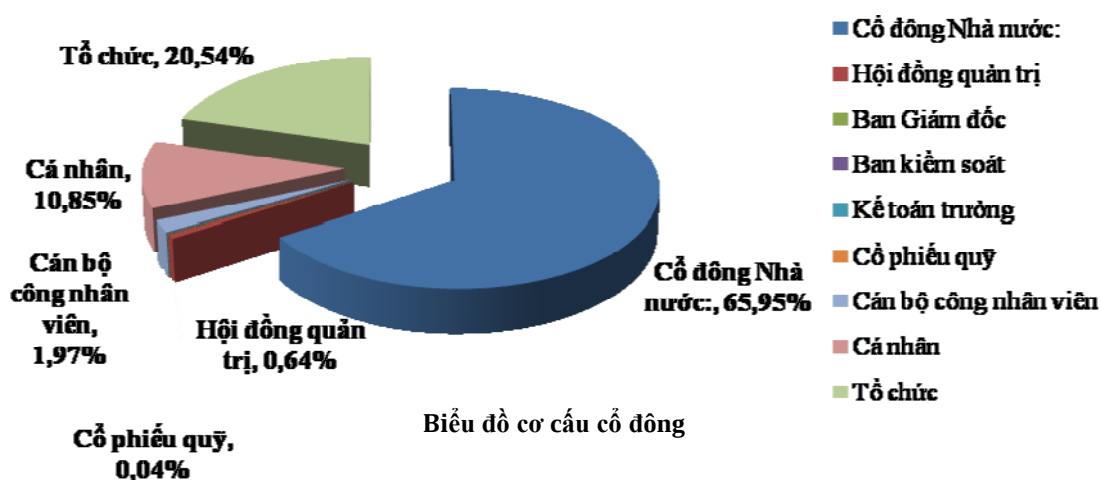
Họ tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	Đại diện sở hữu
Vy Thùy Vân	Thành viên	0	0
Kế toán trưởng			
Phạm Đình Nhật Cường	Kế toán trưởng	Như trên	

**CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP
VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

VII. Các dữ liệu thống kê về cổ đông và thành viên góp vốn

7.1. Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty :

Tính đến ngày 15.04.2010, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:



	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
1.Cổ đông Nhà nước:	72.543.873	725.438.730.000	65,95%
2. Cổ đông nội bộ:	708.931	7.089.310.000	0,64%
1. Hội đồng quản trị	704.968	7.049.680.000	0,64%
<i>Trong đó - nước ngoài</i>		-	
<i>- Trong nước</i>	704.968	7.049.680.000	0,64%
2. Ban Giám đốc	3.213	32.130.000	0,00%
3. Ban kiểm soát	750	7.500.000	0,00%
4. Kế toán trưởng		-	0,00%
3. Cổ đông trong công ty:	2.211.666	22.116.660.000	2,01%
Cổ phiếu quỹ	48.000	480.000.000	0,04%
Cán bộ công nhân viên	2.163.666	21.636.660.000	1,97%
4. Cổ đông ngoài công ty:	34.535.530	345.355.300.000	31,40%
Cá nhân	11.940.488	119.404.880.000	10,85%
Tổ chức	22.595.042	225.950.420.000	20,54%
Tổng cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	100,00%

7.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tính đến thời điểm ngày 30/11/2009, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ	Nghề nghiệp/ ngành nghề kinh doanh	Biến động về tỷ lệ nắm giữ trong năm 2009
1	Đại diện phần vốn Nhà nước (Tổng công ty Xi măng Việt Nam)	72.543.873	65,95%	228 Lê Duẩn – Hà Nội	- Công nghiệp xi măng - Cơ khí - Khai khoáng và vật liệu xây dựng - Các ngành, nghề khác phù hợp quy định của pháp luật.	0,95%
2	Công ty TNHH Chứng khoán Á Châu	7.554.303	6,87%	107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	- Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; - Các ngành, nghề khác phù hợp quy định của pháp luật	0,78%
Tổng cộng		80.098.176	72,82%			

7.3. Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446422 đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 19/01/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp. Danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước^(*)			
<i>Đại diện:</i>			
1	Ông: Nguyễn Ngọc Anh	33.000.000	30,00%
2	Ông: Ngô Minh Lăng	26.400.000	24,00%
3	Ông: Triệu Quốc Khải	6.600.000	6,00%
4	Ông: Phạm Đình Nhật Cường	6.543.873	5,95%
Tổng cộng		72.543.783	65,95%

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		888.198.510.305	1.696.701.474.121
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	158.213.544.035	82.650.055.508
1. Tiền	111		158.213.544.035	82.650.055.508
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.055.501.400	5.723.536.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.537.927.414	19.191.393.280
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.482.426.014)	(13.467.857.280)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.101.767.527	478.674.045.319
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	143.181.077.035	176.821.735.485
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	113.873.147.399	275.629.340.382
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	9.047.543.093	26.222.969.452
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		417.148.392.498	1.128.951.153.694
1. Hàng tồn kho	141	V.5	417.148.392.498	1.128.951.153.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.679.304.845	702.683.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		37.609.263.035	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	1.070.041.810	702.683.600

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.377.015.377.786	3.951.191.368.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.137.305.903.446	3.737.960.724.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.385.964.508.805	353.490.456.660
<i>Nguyên giá</i>	222		1.814.251.323.143	716.714.260.306
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(428.286.814.338)	(363.223.803.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	85.407.428.189	85.568.512.637
<i>Nguyên giá</i>	228		89.544.343.362	89.376.571.362
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.136.915.173)	(3.808.058.725)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	4.665.933.966.452	3.298.901.754.755
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		48.580.000.000	48.160.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.420.000.000)	(7.840.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		191.129.474.340	165.070.644.638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		189.295.084.210	164.752.281.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.10	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.834.390.130	318.363.638
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.265.213.888.091	5.647.892.842.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6.096.889.655.620	4.672.476.104.238
I. Nợ ngắn hạn	310		1.339.937.511.655	1.674.730.954.576
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	742.303.071.987	603.484.082.577
2. Phải trả người bán	312	V.12	524.159.514.796	1.025.736.503.754
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	5.772.840.158	959.069.414
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	8.018.652.122	7.992.530.750
5. Phải trả người lao động	315	V.15	36.083.433.261	11.066.728.943
6. Chi phí phải trả	316	V.16	6.159.654.952	1.055.210.304
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	17.440.344.379	24.436.828.834
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.756.952.143.965	2.997.745.149.662
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	4.756.952.143.965	2.997.745.149.662
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.19	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.168.324.232.471	975.416.738.573
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.170.972.983.231	979.194.566.255
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	1.100.000.000.000	870.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		68.945.452.346	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(215.666.661.549)	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		47.284.353.739	22.200.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.200.000.000	10.300.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	157.112.590.795	77.597.318.355
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(2.648.750.760)	(3.777.827.682)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.21	(2.648.750.760)	(3.777.827.682)
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.265.213.888.091	5.647.892.842.811

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		9.725,60	11.436,90
Euro (EUR)		41.906,12	284,95
Dollar HongKong (HKD)		7.117.262,76	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Đã ký	Đã ký	Đã ký
Trương Thị Thu Hương	Phạm Đình Nhật Cường	Ngô Minh Lăng
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.840.818.898.033	2.557.285.864.504
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	23.976.197.200	20.498.628.492
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.816.842.700.833	2.536.787.236.012
4. Giá vốn hàng bán	11		2.291.272.590.138	2.227.603.791.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		525.570.110.695	309.183.444.255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	8.886.679.951	22.257.563.519
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	80.554.342.831	92.475.367.181
Trong đó: chi phí lãi vay	23		66.435.177.497	39.775.211.971
8. Chi phí bán hàng	24		143.533.605.036	91.044.395.770
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	118.300.960.651	69.069.852.961
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		192.067.882.128	78.851.391.862
11. Thu nhập khác	31		3.400.916.702	973.203.491
12. Chi phí khác	32	VI.5	11.959.426.663	2.227.276.997
13. Lợi nhuận khác	40		(8.558.509.961)	(1.254.073.506)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.509.372.166	77.597.318.356
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22.896.781.370	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		160.612.590.796	77.597.318.356
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.697	892

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Đã ký

Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đã ký

Phạm Đình Nhật Cường
Kế toán trưởng

Đã ký

Ngô Minh Lăng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		183.509.372.166	77.597.318.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8-9	71.767.170.675	39.575.814.278
- Các khoản dự phòng	03	V.3,12	(8.405.431.266)	21.307.857.280
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		7.842.144.392	42.737.370.459
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.620.386.218)	(4.084.957.585)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	66.435.177.497	39.775.211.971
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		315.528.047.247	216.908.614.759
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		174.595.656.547	129.246.265.351
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		711.802.761.196	(621.681.647.401)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(483.859.561.635)	613.974.535.622
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.360.480.012)	7.114.385.467
- Tiền lãi vay đã trả	13		(61.330.732.849)	(23.914.586.928)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(18.914.398.318)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		10.888.070.647	90.930.299.661
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.644.634.187)	(9.589.833.760)
- Chênh lệch tỉ giá trong giai đoạn đầu tư			(14.542.152.893)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		599.162.575.742	402.988.032.771
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.465.412.457.134)	(2.756.321.024.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	0	33.737.273	120.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	-	(7.882.934.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.653.465.866	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-	(42.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.2	5.704.432.812	4.292.241.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.454.020.821.183)	(2.801.790.807.501)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		298.945.452.346	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20	-	(902.752.100)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15-20	3.188.005.516.673	3.235.318.569.662
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15-20	(1.508.526.136.257)	(732.129.885.400)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(47.876.400.000)	(60.772.218.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.930.548.432.762	2.441.513.713.662
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		75.690.187.320	42.710.938.932
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	82.650.055.508	39.933.872.084
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(126.698.793)	5.244.492
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	158.213.544.035	82.650.055.508

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Đã ký	Đã ký	Đã ký
Trương Thị Thu Hương Người lập biểu	Phạm Đình Nhật Cường Kế toán trưởng	Ngô Minh Lăng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng. Xây dựng dân dụng. kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê).
- 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Công ty thực hiện tăng vốn lên 1.100 tỷ Đồng.

Trạm nghiền Phú Hữu chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2009 và nhà máy Bình Phước đang trong giai đoạn chạy thử.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Giá trị tài sản của công ty được chuyển giao từ doanh nghiệp nhà nước theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27/9/2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam. Kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt bởi Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10/10/2006 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03/07/2007 về giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm bàn giao 18/01/2007 từ DNNN sang Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Giá trị của các tài sản cố định của Trạm nghiên cứu Phú Hữu chưa được quyết toán nên toàn bộ tài sản của Trạm nghiên cứu đang được ghi nhận tăng và khấu hao theo giá tạm tính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5
Tài sản cố định khác	5 – 20

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Cụ thể như sau:

Giá trị quyền sử dụng đất: là giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, Thành phố Vũng Tàu.

Chi phí đền bù: các chi phí bồi thường và hỗ trợ về đất đai, nhà cửa, cây trồng cho các hộ dân cư ngụ tại mỏ đá Vĩnh Tân – Đồng Nai. Chi phí đền bù phân bổ trong 10 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị thương hiệu

Đây là giá trị thương hiệu của Công ty được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10/10/2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị quyền sử dụng đất trạm nghiên Phú Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian thuê đất là 50 năm. Quyền sử dụng đất này được phân bổ 25 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là năm thứ 3 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Năm 2009, Công ty thực hiện thay đổi chính sách ghi nhận khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của ban quản lý vào tài khoản 413 và sẽ thực hiện phân bổ trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCĐN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Năm 2008 toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đã được kết chuyển vào kết quả kinh doanh, tuy nhiên Công ty không tiến hành điều chỉnh hồi tố cho năm trước vì chưa có hướng dẫn cụ thể của Bộ tài chính về vấn đề này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2008 : 16.977 VND/USD

31/12/2008 : 24.701 VND/EUR

31/12/2009 : 17.941 VND/USD

31/12/2009 : 27.010 VND/EUR

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	129.121.149	535.444.561
Tiền gửi ngân hàng	141.038.578.576	82.114.610.947
Tiền đang chuyển	17.045.844.310	-
Cộng	158.213.544.035	82.650.055.508

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	13.537.927.414	19.191.393.280
- Cổ phiếu	13.537.927.414	19.191.393.280
Cộng	13.537.927.414	19.191.393.280

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.482.426.014)	(13.467.857.280)
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	(5.482.426.014)	(13.467.857.280)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng mua xi măng	132.574.400.390	167.488.616.139
Các khách hàng mua gạch, cát, vữa	4.758.494.913	6.100.849.367
Các khách hàng khác	5.848.181.732	3.232.269.979
Cộng	143.181.077.035	176.821.735.485

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị & khu Công nghiệp Việt Nam (IDICO)	-	45.404.303.392
Công ty Cổ phần xây dựng số 9	-	56.613.683.854
Công ty Trí Việt Thành	20.000.000.000	8.718.332.600
Liên doanh TVT & Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng	57.065.194.458	95.888.697.489
Các nhà cung cấp khác	36.807.952.941	69.004.323.047
Cộng	113.873.147.399	275.629.340.382

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu Công ty bảo hiểm Deves	-	762.149.283

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	8.339.918.451	25.142.217.720
Các khoản phải thu khác	707.624.642	318.602.449
Cộng	9.047.543.093	26.222.969.452

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	34.742.857.142	649.634.165.176
<i>Trong đó: thiết bị của dự án</i>	-	631.255.479.912
Nguyên liệu, vật liệu	271.637.974.874	420.168.764.407
<i>Trong đó: thiết bị của dự án</i>	-	9.775.429.952
Công cụ, dụng cụ	2.118.169.730	673.104.286
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	75.986.807.101	42.978.978.502
Thành phẩm	32.662.583.651	15.496.141.323
Cộng	417.148.392.498	1.128.951.153.694

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.813.730.302	9.017.257.970	716.714.260.306
Tăng trong năm	18.547.110.461	1.584.884.056	1.098.212.473.437
Mua sắm mới	3.045.971.999	1.584.884.056	10.468.564.827
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.501.138.462	-	1.087.743.908.610
Giảm trong năm	-	(173.574.912)	(675.410.600)
Phân loại lại	-	(173.574.912)	(675.410.600)
Số cuối năm	61.360.840.763	10.428.567.114	1.814.251.323.143
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	5.661.273.903	90.540.443.401
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	28.621.554.730	6.896.197.580	363.223.803.646
Tăng trong năm	7.927.870.010	757.180.376	71.438.314.227
Khấu hao trong năm	7.927.870.010	757.180.376	71.438.314.227
Giảm trong năm	-	(160.044.252)	(6.375.303.535)
Thanh lý, nhượng bán	-	(160.044.252)	(557.626.733)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(5.817.676.802)
Số cuối năm	36.549.424.740	7.493.333.704	428.286.814.338
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.192.175.572	2.121.060.390	353.490.456.660
Số cuối năm	24.811.416.023	2.935.233.410	1.385.964.508.805

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	86.789.508.560	909.098.120	1.677.964.682	89.376.571.362
Tăng trong năm	-	-	167.772.000	167.772.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	86.789.508.560	909.098.120	1.845.736.682	89.544.343.362
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.789.508.560	-	1.625.298.320	3.414.806.880
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.777.802.016	389.583.836	1.640.672.873	3.808.058.725
Tăng trong năm	11.706.544	303.032.712	14.117.192	328.856.448
<i>Khấu hao trong năm</i>	11.706.544	303.032.712	14.117.192	328.856.448
Giảm trong năm	-	-	-	-
<i>Chuyển Ban quản lý dự án</i>	-	-	-	-
Số cuối năm	1.789.508.560	692.616.548	1.654.790.065	4.136.915.173
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	85.011.706.544	519.514.284	37.291.809	85.568.512.637
Số cuối năm	85.000.000.000	216.481.572	190.946.617	85.407.428.189

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm	2.012.723.216	2.416.840.174
XDCB dở dang	4.657.297.307.826	3.287.030.937.715
<i>Dự án Bình Phước</i>	4.607.425.091.487	2.505.242.810.567
<i>Trạm nghiền Xi măng Quận 9</i>	-	748.768.260.378
<i>Mỏ đá Vĩnh Tân</i>	22.081.170.466	18.937.946.234
<i>Dự án Văn phòng 360 Bến Chương Dương</i>	25.197.288.460	13.690.505.988
<i>Các công trình khác</i>	2.593.757.413	391.414.548
Sửa chữa lớn	6.623.935.410	9.453.976.866
Cộng	4.665.933.966.452	3.298.901.754.755

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	56.000.000.000	56.000.000.000
<i>Công ty cổ phần thạch cao xi măng</i>	14.000.000.000	14.000.000.000
<i>Công ty cổ phần cao su Bến Thành</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

Cụ thể :

<i>Nội dung</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Tổng giá trị theo mệnh giá</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>
-----------------	-----------------	-----------------	---------------------------------------	---------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty cổ phần cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
CỘNG			28.000.000.000	56.000.000.000

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty cổ phần Thạch cao xi măng</i>	<i>(7.420.000.000)</i>	<i>(7.840.000.000)</i>
Cộng	<u>(7.420.000.000)</u>	<u>(7.840.000.000)</u>

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Giá trị thương hiệu	164.752.281.000	-	(6.000.000.000)	158.752.281.000
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng trạm nghiên Phú Hữu	-	36.360.480.012	(5.817.676.802)	30.542.803.210
Cộng	<u>164.752.281.000</u>	<u>36.360.480.012</u>	<u>(11.817.676.802)</u>	<u>189.295.084.210</u>

14. Tài sản dài hạn khác

Thể hiện khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	317.687.941.124	343.701.737.340
<i>Các Ngân hàng trong nước</i>	<i>151.327.776.622</i>	<i>233.444.137.416</i>
<i>Các Ngân hàng nước ngoài</i>	<i>166.360.164.502</i>	<i>110.257.599.924</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	144.578.529.196	235.603.275.237
<i>Công ty cổ phần tài chính Xi Măng (CFC)</i>	<i>91.168.786.089</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Tổng công ty CN Xi Măng Việt Nam (VICEM)</i>	<i>53.409.743.107</i>	<i>165.603.275.237</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19)	280.036.601.667	24.179.070.000
<i>Ngân hàng Công thương VN – SGDII</i>	<i>8.297.436.257</i>	<i>13.653.535.000</i>
<i>Ngân hàng Ngoại thương VN – TP.HCM</i>	<i>6.672.498.743</i>	<i>10.525.535.000</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư & phát triển – SGD II</i>	<i>106.666.666.667</i>	-
<i>Các ngân hàng khác</i>	<i>158.400.000.000</i>	-
Cộng	<u>742.303.071.987</u>	<u>603.484.082.577</u>

Đây là các khoản vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Lỗ chênh lệch tỷ giá và kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Lãi chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	343.701.737.340	969.029.626.598	18.026.252.738	(1.005.910.373.461)	(7.159.302.091)	317.687.941.124

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Lỗ chênh lệch tỷ giá và kết chuyển</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Lãi chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức	235.603.275.237	367.911.946.755	-	(458.936.692.796)	-	144.578.529.196
Vay dài hạn đến hạn trả	24.179.070.000	-	280.036.601.667	(24.179.070.000)	-	280.036.601.667
Cộng	603.484.082.577	1.336.941.573.353	298.062.854.405	(1.489.026.136.257)	(7.159.302.091)	742.303.071.987

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Siam City Cement Public Co., Ltd	17.188.189.568	24.504.241.209
Công ty xi măng Tam Hiệp	-	53.737.609.640
Công ty ABB – Switzerland	51.727.761.237	125.425.811.513
Công ty Haver & Boecker	13.339.232.607	12.418.356.416
Công ty Loesche	89.242.655.333	280.378.209.397
Công ty Polysius	-	197.461.416.755
Công ty Lắp máy 69-3	10.054.321.090	-
Các nhà cung cấp khác	352.607.354.960	331.810.858.824
Cộng	524.159.514.796	1.025.736.503.754

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	47.966.276	-	47.966.276	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	200.927.064.970	200.927.064.970	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	7.262.109.907	71.175.325.903	75.220.734.469	3.216.701.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.896.781.370	18.914.398.318	3.982.383.052
Thuế thu nhập cá nhân	562.569.567	1.881.119.090	1.948.193.728	495.494.929
Thuế tài nguyên	99.197.000	3.254.960.800	3.054.149.000	300.008.800
Thuế nhà đất	-	4.818.083	4.818.083	-
Tiền thuê đất	-	3.316.406.000	3.316.406.000	-
Các loại thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.688.000	261.088.000	257.712.000	24.064.000
Cộng	7.992.530.750	303.726.064.216	303.699.942.844	8.018.652.122

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xi măng, gạch	10%
Vữa, Cát tiêu chuẩn, phế liệu, clinker v.v...	Từ 1/5/09 là 5%
	5%

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vận chuyển

5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.12.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	183.509.372.165	77.597.318.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(335.121.206)	57.229.836
- Các khoản điều chỉnh tăng	294.698.794	199.346.204
- Các khoản điều chỉnh giảm	(629.820.000)	(142.116.368)
Tổng thu nhập chịu thuế	183.174.250.959	77.654.548.192
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	45.793.562.740	21.743.273.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(22.896.781.370)	(21.743.273.494)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.896.781.370	-

Hoạt động của trạm nghiền Phú Hữu lỗi nên chưa được hưởng thuế suất ưu đãi.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá tại mỏ đá Vĩnh Tân với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng đá khai thác.

Tiền thuê đất

Nộp theo các Hợp đồng thuê đất của kho, văn phòng, nhà cửa tại Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

Chi phí lãi vay phải trả.

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	908.461.380	651.126.516
Phải trả Tổng công ty	11.254.285.251	20.606.788.868
Các khoản phải trả khác	5.277.597.748	3.178.913.450
Cộng	17.440.344.379	24.436.828.834

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở Giao dịch II ^(a)	-	8.311.437.257
- Ngân hàng Ngoại thương VN – chi nhánh TP.HCM ^(a)	-	6.658.497.442
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II ^(b)	530.764.862.141	600.000.000.000
- Vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối ^(c)	1.718.475.836.077	1.098.441.280.049
- Ngân hàng Société Générale ^(d)	2.507.711.445.747	1.284.333.934.914
Cộng	<u>4.756.952.143.965</u>	<u>2.997.745.149.662</u>

- (a) Khoản vay tín chấp Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở Giao dịch II và Ngân hàng Ngoại thương VN – chi nhánh TP.HCM góp vốn Liên doanh xi măng Holcim Việt Nam, thời hạn vay từ 10 – 11 năm và dự án cải tạo môi trường thời hạn vay 10 năm. Khi cổ phần hóa, toàn bộ khoản đầu tư Dự án Công ty xi măng Holcim Việt Nam được chuyển về cho Tổng Công ty xi măng Việt Nam.
- (b) Khoản vay tín chấp Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II để tài trợ dự án trạm nghiên Quận 9, thời hạn vay 10 năm.
- (c) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của 2 dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 1.980 tỷ đồng, thời hạn vay 11 năm.
- (d) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính, vay ngân hàng Société Générale để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR51.584.785 và USD17.082.379, thời hạn vay 13 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số kết chuyển trong năm</u>	<u>Trả tiền vay</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.997.745.149.662	1.857.619.087.314	201.124.508.656	(280.036.601.667)	(19.500.000.000)	4.756.952.143.965
Cộng	<u>2.997.745.149.662</u>	<u>1.857.619.087.314</u>	<u>201.124.508.656</u>	<u>(280.036.601.667)</u>	<u>(19.500.000.000)</u>	<u>4.756.952.143.965</u>

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	725.438.730.000	565.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên,...	374.561.270.000	304.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	68.945.452.346	-
Cổ phiếu quỹ (*)	(902.752.100)	(902.752.100)
Cộng	<u>1.168.042.700.246</u>	<u>869.097.247.900</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có mua lại 48.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ từ năm 2008.

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.000.000	87.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	110.000.000	87.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.000	48.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	109.952.000	86.952.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện thu góp vốn để thực hiện tăng vốn lên 1.100 tỷ đồng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Trong năm Công ty đang tạm trích quỹ từ nguồn lợi nhuận năm 2009 là 3,5 tỷ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.840.818.898.033	2.557.285.864.504
- <i>Xi măng</i>	2.812.928.096.749	2.508.693.055.724
- <i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO</i>	18.772.291.505	28.960.397.910
- <i>Vật liệu phụ, phụ tùng, phế liệu và các dịch vụ khác</i>	9.118.509.779	19.632.410.870
Các khoản giảm trừ doanh thu	(23.976.197.200)	(20.498.628.492)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	(23.976.197.200)	(20.498.628.492)
Doanh thu thuần	2.816.842.700.833	2.536.787.236.012

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xi măng thành phẩm	2.271.950.998.325	2.196.496.062.964
Giá vốn thành phẩm xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	17.186.196.351	25.196.753.486
Giá vốn clinker, vật liệu và cung cấp các dịch vụ khác	2.135.395.462	5.910.975.307
Cộng	2.291.272.590.138	2.227.603.791.757

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.074.612.812	2.879.155.539
Cổ tức, lợi nhuận được chia	629.820.000	1.413.085.993
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	17.965.321.987
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.657.943.390	-
Khác	524.303.749	-
Cộng	8.886.679.951	22.257.563.519

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	66.435.177.497	39.775.211.971
Chiết khấu thanh toán	4.343.491.844	2.776.129.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.842.144.392	8.717.799.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.119.675.996	19.898.369.425
Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(8.490.290.086)	-
Lỗ kinh doanh chứng khoán	1.427.347.438	21.307.857.280
Khác	876.795.750	-
Cộng	80.554.342.831	92.475.367.181

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	19.215.673.996	12.572.033.942
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	107.511.176	1.115.153.590
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	557.120.666	428.961.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	576.934.972	614.274.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.800.237.939	18.004.556.109
Chi phí khuyến mãi	62.963.614.042	50.987.199.477
Chi phí quảng cáo	29.390.761.865	4.530.165.015
Chi phí bằng tiền khác	5.921.750.380	2.792.051.640
Cộng	143.533.605.036	91.044.395.770

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	46.996.716.817	30.114.300.354
Chi phí vật liệu quản lý	3.694.373.092	4.661.899.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.120.674.827	2.320.121.926
Thuế, phí và lệ phí	10.224.465.016	4.769.369.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.700.408.531	5.841.611.891
Chi phí bằng tiền khác	46.564.322.368	21.362.550.465
Cộng	118.300.960.651	69.069.852.961

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	33.737.273	120.909.090
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	153.346.557	54.306.176

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do giải phóng tàu nhanh	915.763.618	-
Các thu nhập khác	2.298.069.254	797.988.225
Cộng	3.400.916.702	973.203.491

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	117.783.867	328.193.037
Chi phí giải phóng tàu nhanh	11.466.722.351	1.682.017.027
Các chi phí khác	374.920.445	217.066.933
Cộng	11.959.426.663	2.227.276.997

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	160.612.590.796	77.597.318.356
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.612.590.796	77.597.318.356
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.658.463	86.970.792
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.697	892

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	86.970.792	87.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 13/5/2008	-	(14.619)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 15/5/2008	-	(3.151)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 19/5/2008	-	(3.096)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 11/6/2008	-	(8.342)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 31 tháng 8 năm 2009	7.687.671	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	94.658.463	86.970.792

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	Năm nay
Tiền lương, tiền thưởng, thù lao	3.024.230.454
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.864.376
Cộng	1.388.509.571

2. Thông tin khác

Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản		12,23	30,04
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản		87,77	69,96
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		83,92	82,73
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		16,08	17,27
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,19	1,21
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,66	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,35	0,34
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần		6,51	3,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần		5,70	3,06
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản		2,53	1,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản		2,21	1,37
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu		13,72	7,92

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 1 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, xa lộ Hà nội, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đã ký

Đã ký

Đã ký

Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu

Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng TCKT

Ngô Minh Lãng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: Km số 8, Xa lộ Hà Nội, Quận Thủ Đức, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Chênh lệch tỉ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	870.000.000.000	-	-	(8.897.976.309)	-	-	100.338.834.623	961.440.858.314
Phát sinh trong năm trước	-	-	-	22.361.813.325	-	-	-	22.361.813.325
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(902.752.100)	-	-	-	-	(902.752.100)
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh	-	-	-	(13.463.837.016)	-	-	-	(13.463.837.016)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	77.597.318.356	77.597.318.356
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	22.200.000.000	10.300.000.000	(39.438.834.624)	(6.938.834.624)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(60.900.000.000)	(60.900.000.000)
Số dư cuối năm trước	870.000.000.000	-	(902.752.100)	-	22.200.000.000	10.300.000.000	77.597.318.355	979.194.566.255
Số dư đầu năm nay	870.000.000.000	-	(902.752.100)	-	22.200.000.000	10.300.000.000	77.597.318.355	979.194.566.255
Phát sinh trong năm	230.000.000.000	68.945.452.346	-	(215.666.661.549)	-	-	-	83.278.790.797
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	160.612.590.796	160.612.590.796
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	25.063.233.739	3.900.000.000	(33.220.918.356)	(4.257.684.617)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	-	-	(47.876.400.000)	(47.876.400.000)
Tăng khác	-	-	-	-	21.120.000	-	-	21.120.000
Số dư cuối năm	1.100.000.000.000	68.945.452.346	(902.752.100)	(215.666.661.549)	47.284.353.739	14.200.000.000	157.112.590.795	1.170.972.983.231

TP.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Đã ký

Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu

Đã ký

Phạm Đình Nhật Cường
Trưởng phòng tài chính kế toán

Đã ký

Ngô Minh Lăng
Giám đốc